

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2019/DS-ST

Ngày: 23 - 5 - 2019

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA – TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Bình An

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Ghê;

Ông La Văn Việt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 23 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 694/2018/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2019/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2019/QĐ-HPT ngày 06/5/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần B

Địa chỉ trụ sở: Tòa nhà Capital Tower, số 109 Trần Hưng Đ, phường C, quận H, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S – Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Tuấn B – Giám đốc Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh L.

Người đại diện theo ủy quyền của ông B: Ông Nguyễn Phước C – Tổ trưởng tổ giám sát kinh doanh và Xử lý nợ tại Chi nhánh L.

- *Bị đơn:* Ông Lê Thanh T, sinh năm 1975

Bà Quách Thị Ngọc B, sinh năm 1980

Cùng địa chỉ: Ấp H 1, xã H, huyện Đ, tỉnh L.

(Ông C có mặt, ông T và bà B vắng mặt – đã triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 10 năm 2018 và lời khai của ông Nguyễn Phước C đại diện cho Ngân hàng thương mại cổ phần B trình bày như

sau: Vào ngày 18/12/2013, ông Lê Thanh T và bà Quách Thị Ngọc B có ký hợp đồng tín dụng số 279-13/HĐTD-LA với Ngân hàng thương mại cổ phần B – Chi nhánh L để vay số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất theo quy định của Ngân hàng B trong từng thời kỳ và được ghi trên từng khế ước nhận nợ, mục đích vay mua sắm trang thiết bị gia đình, thời hạn vay 30 tháng kể từ ngày nhận nợ lần đầu tiên. Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì ông T và bà B phải thanh toán số tiền gốc và lãi dư nợ gốc ban đầu, kỳ hạn trả nợ gốc và lãi 30 kỳ, mỗi kỳ 01 tháng, kỳ trả gốc trùng với kỳ trả lãi, kỳ trả gần nhất vào ngày 10/01/2014, số tiền trả nợ gốc cố định 1.000.000 đồng.

Từ khi vay cho đến nay, ông T và bà B chỉ thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền gốc và lãi là 33.644.488 đồng nên còn nợ lại 8.707.344 đồng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đã giao kết. Vì vậy, Ngân hàng thương mại cổ phần B khởi kiện yêu cầu ông Lê Thanh T và bà Quách Thị Ngọc B phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ đến hạn là 8.707.344 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 4.714.157 đồng, tiền nợ lãi là 2.730.421 đồng và lãi quá hạn 1.262.766 đồng và trả 01 lần khi quyết định hoặc bản án của Tòa án có hiệu lực.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho ông T và bà B biết về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B nhưng ông T và bà B không có ý kiến phản hồi, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa đã tiến hành các thủ tục tố tụng tiếp theo nhưng ông T và bà B cũng không đến Tòa án, do đó ông C đề nghị không hòa giải vụ án.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Phước C đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc ông Lê Thanh T và bà Quách Thị Ngọc B phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền vay còn nợ là 8.707.344 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 4.714.157 đồng, tiền nợ lãi là 2.730.421 đồng và lãi quá hạn 1.262.766 đồng và trả 01 lần khi quyết định hoặc bản án của Tòa án có hiệu lực.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Ngân hàng thương mại cổ phần B yêu cầu ông Lê Thanh T và bà Quách Thị Ngọc B trả tiền nợ vay là thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”.

1.2. Ông Lê Thanh T và bà Quách Thị Ngọc B là bị đơn có địa chỉ tại ấp H 1, xã H, huyện Đ, tỉnh L nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.3. Ông Lê Thanh T và bà Quách Thị Ngọc B vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà B theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì *“Thời hiệu khởi kiện...tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích của mình bị xâm phạm”*. Kể từ ngày 01/5/2017 cho đến nay, ông Lê Thanh T và bà Quách Thị Ngọc B không thanh toán tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã thỏa thuận. Ngày 01/11/2018 Ngân hàng thương mại cổ phần B khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền gốc và lãi nên thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng vẫn còn.

[3]. Về nội dung:

3.1. Theo thỏa thuận giữa Ngân hàng thương mại cổ phần B với ông Lê Thanh T và bà Quách Thị Ngọc B thì ông T và bà B có nghĩa vụ thanh số tiền vay gồm gốc và lãi trong thời hạn 30 tháng là 30 kỳ, mỗi kỳ 01 tháng, kỳ trả gốc trùng với kỳ trả lãi, kỳ trả gần nhất vào ngày 10/01/2014, số tiền trả nợ gốc cố định 1.000.000 đồng nhưng kể từ ngày vay tiền cho đến nay ông T và bà B chỉ thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền gốc và lãi là 33.644.488 đồng nên còn nợ lại 8.707.344 đồng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng thương mại cổ phần B.

3.2. Ông Lê Thanh T và bà Quách Thị Ngọc B vắng mặt tại phiên tòa và cũng không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B. Xét yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần B yêu cầu ông Lê Thanh T và bà Quách Thị Ngọc B trả số tiền vay còn nợ là 8.707.344 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 4.714.157 đồng, tiền nợ lãi là 2.730.421 đồng và lãi quá hạn 1.262.766 đồng là có căn cứ. Do đó buộc ông Lê Thanh T và bà Quách Thị Ngọc B có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền còn nợ tổng cộng là 8.707.344 đồng là phù hợp theo quy định Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 của Quốc Hội 12.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Thanh T và bà Quách Thị Ngọc B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 186, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng số: 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 của Quốc Hội 12;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B do ông Nguyễn Phước C đại diện theo ủy quyền về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” đối với ông Lê Thanh T và bà Quách Thị Ngọc B.

Buộc Lê Thanh T và bà Quách Thị Ngọc B phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền gốc 4.714.157 đồng, tiền nợ lãi là 2.730.421 đồng và lãi quá hạn 1.262.766 đồng, tổng cộng là 8.707.344 đồng (Tám triệu bảy trăm lẻ bảy ngàn ba trăm bốn mươi bốn đồng) sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 24/5/2019 cho đến khi thi hành xong số tiền nợ phải trả ông Lê Thanh T và bà Quách Thị Ngọc B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng số 279-13/HĐTD-LA ngày 18/12/2013.

2. Án phí: Buộc ông Lê Thanh T và bà Quách Thị Ngọc B phải chịu 435.367 đồng (Bốn trăm ba mươi lăm ngàn ba trăm sáu mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng thương mại cổ phần B đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0003726 ngày 11/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đỗ Bình An

